

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
MÔN HỌC: KHTN - KHỐI LỚP 7
NĂM HỌC 2026 – 2027

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 8.; Số học sinh: 295 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 0

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 5; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 1 Đại học: 4 ; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 5 .; Khá: 0 ; Đạt: 0 ; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Cân điện tử - Cổng quang điện - Đồng hồ đo thời gian hiện số	2	Bài 1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn Khoa học tự nhiên.	
2	- Phần mềm mô phỏng 3D về mô hình nguyên tử của Rutherford- Bohr. - Mô hình nguyên tử. - Hình 2.1 đến 2.6 SGK. - Giấy màu và các viên bi nhựa. - Kéo	2	Bài 2. Nguyên tử	
3	Các loại tốc kế, tranh ảnh, máy trình chiếu	3	Bài 8. Tốc độ chuyển động	
4	- Đồng hồ bấm giây, đồng hồ đo thời gian hiện số, thước	3	Bài 9. Đo tốc độ	

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

	- Nam châm điện, viên bi sắt, công tắc - Ti vi			
5	Tranh ảnh, video về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông	3	Bài 10. Đồ thị quãng đường – thời gian	
6	- Thanh thép đàn hồi, giá đỡ, chốt thép, lò xo, dây đàn, âm thoa, đồng hồ báo thức - Chậu thủy tinh chứa nước	3	Bài 11. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	
7	- Thanh thép đàn hồi, giá đỡ - Khay nhựa, nước, chốt thép - Lò xo, âm thoa - Tivi	3	Bài 12. Sóng âm	
8	Thước thép đàn hồi, âm thoa, micro, máy dao động kí	3	Bài 13. Độ to và độ cao của âm	
9	- Hộp làm bằng vật liệu cách âm, tấm gỗ nhẵn, tấm gỗ sần sùi, tấm xốp mềm, đồng hồ nhỏ để bàn - Giá đỡ	3	Bài 14. Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn	
10	Đèn chiếu, đèn pin, pin quang điện, điện, pin, tấm cản, màn chắn - Tivi	3	Bài 15. Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối	
11	- Đèn laze - Gương phẳng, bảng chia độ, tivi	3	Bài 16. Sự phản xạ ánh sáng	
12	Tấm kính trong suốt, nén, thước kẻ, bút chì, giấy, ti vi	3	Bài 17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	
13	Nam châm thẳng, nam châm chữ U, kim nam châm, các vật nhỏ bằng sắt, thép, đồng, nhôm, gỗ...	3	Bài 18. Nam châm	
14	- Dây dẫn (có gắn giá đỡ) - Kim nam châm - Nguồn pin, biến trở, khóa K, ampe kế, nam châm thẳng, bảng nhựa có mặt sắt, bút dạ, la bàn, tivi	3	Bài 19. Từ trường	
15	- Nam châm điện, nguồn điện, Khóa K - Tivi	3	Bài 20. Chế tạo nam châm điện đơn giản	
16	Thí nghiệm chứng minh quang hợp gồm: - Đèn côn, cốc thủy tinh loại 250 ml, pipet	2	Bài 24. Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh	

	- Đĩa petri; Panh (loại thông dụng, bằng inox); 2 chuông thủy tinh đường kính 25-30 cm (hoặc hộp nhựa màu trắng trong); Cồn 70 độ; Dung dịch iode (1%).			
17	Bộ dụng cụ thí nghiệm hô hấp tế bào gồm: - Bình thủy tinh dung tích 1 lít; - Nút cao su không khoan lỗ (TBDC); - Dây kim loại có giá đỡ nên; 2 cây nên nhỏ.	2	Bài 27. Thực hành: Hô hấp ở thực vật	
18	Bộ thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước gồm: Cân thăng bằng (loại thông dụng với các quả cân 100, 200,300g). Bình tam giác (Loại 250 ml)	2	Bài 32. Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	
19	Video về một số tập tính ở động vật	2	Bài 35. Thực hành: Cảm ứng ở sinh vật	
20	Sơ đồ vòng đời của đại diện các nhóm động vật khác nhau (không biến thái, biến thái hoàn toàn, biến thái không hoàn toàn).	2	Bài 38. Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng thực hành KHTN	1	Sử dụng trong các tiết học thực hành hoặc tiết học có làm thí nghiệm ở môn KHTN.	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Năng lực số
1	Bài 1. Phương pháp và kỹ năng học tập môn KHTN	5	- Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên; + Phương pháp tìm hiểu tự nhiên; + Thực hiện được các kỹ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo; - Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự	

			nhiên 7); - Làm được báo cáo, thuyết trình.	
	Chương I. Nguyên tử - sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	15		
2	Bài 2. Nguyên tử.	5	- Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). - Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).	
3	Bài 3. Nguyên tố hoá học	3	- Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. - Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.	1.1.TC1b; 1.2.TC1a
4	Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	7	- Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học. - Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì. - Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.	
	Chương II. Phân tử - Liên kết hóa học	13		
5	Bài 5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	4	- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. - Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.	1.1.TC1b; 2.1TC1a
6	Bài 6. Giới thiệu về liên kết hoá học	5	- Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm. - Nêu được sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp electron ngoài cùng giống nguyên tử nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H_2 , Cl_2 , NH_3 , H_2O , CO_2 , N_2 ,...).	

			- Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp electron ngoài cùng giống nguyên tử nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,...). - Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của hợp chất ion và hợp chất cộng hoá trị. - Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.	
7	Bài 7. Hoá trị và công thức hoá học	4	- Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học. - Viết được công thức hoá học của một số đơn chất và hợp chất đơn giản thông dụng. - Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học của hợp chất. - Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất. - Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử.	
	Chương III. Tốc độ	11		
8	Bài 8. Tốc độ chuyển động	2	- Phát biểu được khái niệm tốc độ chuyển động, nhớ công thức tính tốc độ. - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. - Đổi được đơn vị tốc độ từ m/s sang km/h hoặc ngược lại. - Sử dụng được công thức tính tốc độ để giải các bài tập về chuyển động trong đó đã cho giá trị của hai trong ba đại lượng v, s và t Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ, xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng.	
9	Bài 9. Đo tốc độ	3	- Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và công quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông. - Xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, $\text{tốc độ} = \frac{\text{quãng đường vật đi}}{\text{thời gian đi}}$	1.1.TC1b 2.1.TC1a

			quãng đường đó.	
10	Bài 10. Đồ thị quãng đường – thời gian	2	- Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật).	
11	Bài 11. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	4	- Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông. - Bước đầu biết cách sưu tầm tài liệu để tham gia thảo luận về một nội dung thực tế có liên quan đến những kiến thức đã học. - Thấy được ý nghĩa của tốc độ trong an toàn giao thông. - Thấy được để đảm bảo an toàn thì người tham gia giao thông vừa phải có ý thức tôn trọng các quy định về an toàn giao thông vừa phải có hiểu biết về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	1.1.TC1a 1.1.TC1b
	Chương IV. Âm thanh	10		
12	Bài 12. Sóng âm	3	- Thực hiện thí nghiệm tạo sóng âm (như gảy đàn, gõ vào thanh kim loại,...) để chứng tỏ được sóng âm có thể truyền được trong chất rắn, lỏng, khí. - Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí.	
13	Bài 13. Độ to và độ cao của âm	3	- Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. - Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). - Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm. - Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm.	
14	Bài 14. Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn	4	- Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém. - Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm; đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe.	
	Chương V. Ánh sáng	8		
15	Bài 15. Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối	2	- Thực hiện thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng; từ đó, nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng. - Thực hiện thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song.	1.1.TC1b 2.1.TC1a

			- Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.	
16	Bài 16. Sự phản xạ ánh sáng	3	- Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán. - Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới. - Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung của định luật phản xạ ánh sáng.	
17	Bài 17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	3	- Vẽ được hình biểu diễn và nêu được tính chất ảnh của vật qua gương phẳng. - Nêu được tính chất ảnh của vật qua gương phẳng và dựng được ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng. - Vận dụng được định luật phản xạ ánh sáng trong một số trường hợp đơn giản.	
	Chương VI. Từ	10		
18	Bài 18. Nam châm	3	- Tiến hành thí nghiệm để nêu được: + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau; + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.	
19	Bài 19. Từ trường	4	- Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm. - Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường. - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.	
20	Bài 20. Chế tạo nam châm điện đơn giản	3	Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.	1.1.TC1a 1.1.TC1b

	Chương VII. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật	32		
21	Bài 21. Khái quát về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	3	- Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.	
22	Bài 22. Quang hợp ở thực vật	3	- Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. - Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). - Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Trình bày được quá trình chuyển hoá năng lượng ở tế bào, bao gồm: Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây. - Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp.	1.1.TC1a 3.1.TC1a
23	Bài 23. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	2	- Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp	
24	Bài 24. Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh	2	Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.	
25	Bài 25. Hô hấp tế bào	2	Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): + Nêu được khái niệm. + Viết được phương trình hô hấp dạng chữ + Thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải.	
26	Bài 26. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào	2	- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào. - Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).	
27	Bài 27. Thực hành: Hô hấp ở thực vật	2	Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt	
28	Bài 28. Trao đổi khí ở sinh vật	3	- Nêu được khái niệm trao đổi khí ở sinh vật. - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng	1.2.TC1a 3.1.TC1a

			của lá. - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng. - Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người). - Vận dụng được những kiến thức về trao đổi khí ở thực vật, động vật và người trong trồng trọt, bảo vệ cơ thể và môi trường sống để có hệ hô hấp khỏe mạnh.	
29	Bài 29. Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật.	3	- Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.	
30	Bài 30. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật	4	- Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật, cụ thể: - Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây; - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống); - Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước; - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây).	
31	Bài 31. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật	4	- Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở động vật, cụ thể: - Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người); - Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá	- 1.1.TC1b - 2.2.TC1a - 1.1.TC1a - 3.1.TC1a

			ở động vật (đại diện ở người); - Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...).	
32	Bài 32. Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	2	Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước;	
	Chương VIII. Cảm ứng ở sinh vật	5		
33	Bài 33. Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật	2	- Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật). - Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật. - Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật.	
34	Bài 34. Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn.	2	- Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt).	
35	Bài 35. Thực hành: Cảm ứng ở sinh vật	1	- Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). - Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật.	
	Chương IX. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	7		
36	Bài 36. Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	2	- Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. - Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên.	

			- Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.	
37	Bài 37. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật và thực tiễn	3	- Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). - Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).	1.1.TC1a
38	Bài 38. Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	2	- Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. - Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật	
	Chương X. Sinh sản ở sinh vật	10		
39	Bài 39. Sinh sản vô tính ở sinh vật	3	- Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. - Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật. - Phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh họa. - Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. - Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).	
40	Bài 40. Sinh sản hữu tính ở sinh vật	3	- Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. - Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. - Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật: - Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt hoa đơn tính và hoa lưỡng tính. - Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.	

			- Mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). - Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính và một số ứng dụng trong thực tiễn.	
41	Bài 41. Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật	3	- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật. - Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). - Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây.	
42	Bài 42. Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất	1	Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất.	

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kỳ I	60 phút	Tuần 9	Kiến thức của 3 phân môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học (đến hết tuần 8)	Kiểm tra trên giấy
Cuối học kỳ I	60 phút	Tuần 16	Kiến thức của 3 phân môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học (đến hết tuần 15)	Kiểm tra trên giấy
Giữa học kỳ II	60 phút	Tuần 26	Kiến thức của 3 phân môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học (đến hết tuần 25)	Kiểm tra trên giấy
Cuối học kỳ II	60 phút	Tuần 32	Kiến thức của 3 phân môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học (hết tuần 31)	Kiểm tra trên giấy

III. Các nội dung khác

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Thương

Tiên Phước, ngày 24 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Túy Lanh